TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HƯNG
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST
Ngày 30-10-2019
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG, TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Cẩm Nhung.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Minh Phương.
2. Bà Bùi Thị Thùy Linh.

- ***Thư ký ghi biên bản phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng tham gia phiên tòa:***
Ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Hưng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 114/2019/TLST-HNGĐ ngày 12/8/2019 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐST- HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Mộng T, sinh năm: 1979; *(Có mặt)*
Địa chỉ: Khu phố G-A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Anh Lê Minh C, sinh năm 1975; *(Vắng mặt)*
Địa chỉ: Khu phố R-A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Mộng T trình bày:

Chị và anh Lê Minh C quen biết qua mai mối được sự đồng ý của gia đình hai bên đã tổ chức đám cưới vào tháng 11 năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 09/9/2010. Quá trình chung sống, vợ chồng chị có 02 con chung Lê Chánh T, sinh ngày 15/8/2011 và Lê Thịnh P, sinh ngày 26/10/2013. Thời gian đầu vợ chồng sống chung rất hạnh phúc, thời gian sau này giữa chị và anh C thường phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến dẫn đến gây gỗ với nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa. Chị và anh C đã sống ly thân từ tháng 10/2018 đến nay, trong thời gian sống ly thân chị trực tiếp nuôi hai con chung.

Nay chị Nguyễn Mộng T yêu cầu được ly hôn với anh Lê Minh C; Về con chung: chị T yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung Lê Chánh T, sinh ngày 15/8/2011 và Lê Thịnh P, sinh năm 26/10/2013; Về cấp dưỡng: tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết; Về chia tài sản: không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Lê Minh C vắng mặt nhưng theo bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 16/8/2019, anh C có ý kiến như sau:

Anh C thống nhất với lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân và con chung cũng như mâu thuẫn của vợ chồng. Anh và chị T có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Vợ chồng anh chị có 02 con chung tên Lê Chánh T, sinh ngày 15/8/2011 và Lê Thịnh P, sinh ngày 26/10/2013.

Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh và chị T là do anh nhiều lần ghen tuông vô cớ và có lời lẽ xúc phạm vợ. Ngoài mâu thuẫn vợ chồng, anh còn mâu thuẫn với mẹ vợ (vợ chồng anh sống chung với mẹ vợ) dẫn đến việc anh dọn ra ngoài ở. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm 2018 đến nay. Thời gian ly thân anh về nhà cha vợ ở khu phố R-A, thị trấn T sinh sống. Về hôn nhân: anh không đồng ý ly hôn vì anh còn thương vợ con, mâu thuẫn có thể khắc phục được nên xin được đoàn tụ để cùng nhau xây dựng gia đình, cùng nuôi dạy các con. Anh đã nhận thức được sai lầm và hứa khắc phục, mong chị T cho anh cơ hội để anh sửa chữa; Nếu trường hợp phải ly hôn thì anh đồng ý giao 02 con chung Lê Chánh T và Lê Thịnh P cho chị T nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng: vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết; Về chia tài sản: vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: chị T và anh C có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên đây là hôn nhân hợp pháp. Mối quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh C phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng không thể giải quyết được, đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, chị T và anh C đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2018. Vì vậy, chị T yêu cầu ly hôn với anh C là có căn cứ chấp nhận theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Về con chung: chị T yêu cầu được nuôi 02 con chung Lê Chánh T, sinh ngày 15/8/2011 và Lê Thịnh P, sinh ngày 26/10/2013 là có cơ sở. Vì đây là nguyện vọng chính đáng của chị T, cháu T và cháu P đang sống với chị T, được chăm sóc tốt. Anh C cũng đồng ý giao 02 con cho chị T nuôi dưỡng. Cho nên, giao chị T nuôi dưỡng và chăm sóc cháu T và cháu P là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Về cấp dưỡng nuôi con, vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về tài sản và nợ chung, không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. *Về thủ tục tố tụng:*

Tòa án đã tiến hành đúng theo trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Sự vắng mặt của đương sự: bị đơn anh Lê Minh C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng không đến để tham dự phiên tòa nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử theo quy định.

2. *Về nội dung vụ án:*

[1] *Về hôn nhân*: chị Nguyễn Mộng T với anh Lê Minh C tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 09/9/2010. Đây là hôn nhân đúng pháp luật.

Trong thời gian chung sống vợ chồng chị T và anh C phát sinh mâu thuẫn, bất đồng không thể giải quyết được, đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Chị T và anh C đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2018 đến nay. Tuy anh C không đồng ý ly hôn do anh còn thương vợ con, mâu thuẫn giữa chị T và anh C có thể khắc phục được nên mong được đoàn tụ để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, cùng nuôi dạy các con. Nhưng anh C vẫn vắng mặt phiên tòa hôm nay, chứng tỏ anh C không có thiện chí để hàn gắn. Do đó Hội đồng xét xử thấy rằng, tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh C nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2] Về con chung: Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung Lê Chánh T, sinh ngày 15/8/2011 và Lê Thịnh P, sinh ngày 26/10/2013. Xét thấy, chị T đang nuôi dưỡng và chăm sóc cháu T và cháu P. Chị T hiện có công việc và thu nhập ổn định, 02 cháu T và cháu P được chăm sóc tốt. Hơn nữa, anh C cũng đồng ý giao 02 con cho chị T nuôi dưỡng nên giao cháu T và cháu P cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

[4] Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

[5] Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ theo yêu cầu của chị T là có căn cứ.

[6] Về án phí: chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm theo quy định. Anh C không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 17, 51, 56, 81, 82, Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Mộng T được ly hôn với anh Lê Minh C.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Mộng T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc 02 con chung Lê Chánh T, sinh ngày 15/8/2011, giới tính: Nam và Lê Thịnh P, sinh ngày 26/10/2013, giới tính: Nam.

Bên không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

4. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Mộng T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008832 ngày 12/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An. Chị Nguyễn Mộng T đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Lê Minh C không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự (Lê Minh C) vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh; - VKSND tỉnh/H;
- CQ THA DS; - Các Đ/s;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Huỳnh Thị Cẩm Nhung